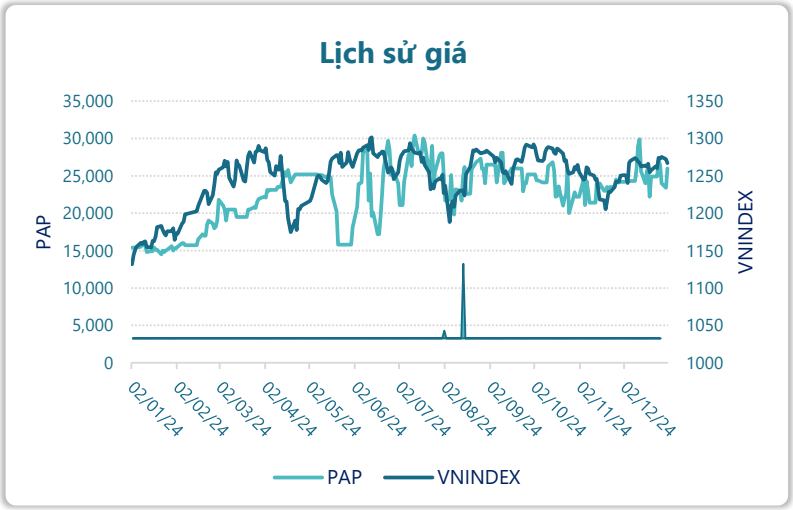
FireAnt

CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,500
SL cổ phiếu LH	232,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,165
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,032
P/E	-348.5
EPS	-75

DT thuần

Q4/24

2.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.18|

YoY: ▲ 2.18|

LN sau thuế

Q4/24

-23.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.7| -340%

YoY: ▼22.0| -1194%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-795%

#VALUE!

DT thuần

2024

2.18

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.18|

LN sau thuế

2024

-17.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.5| -155%

ROE

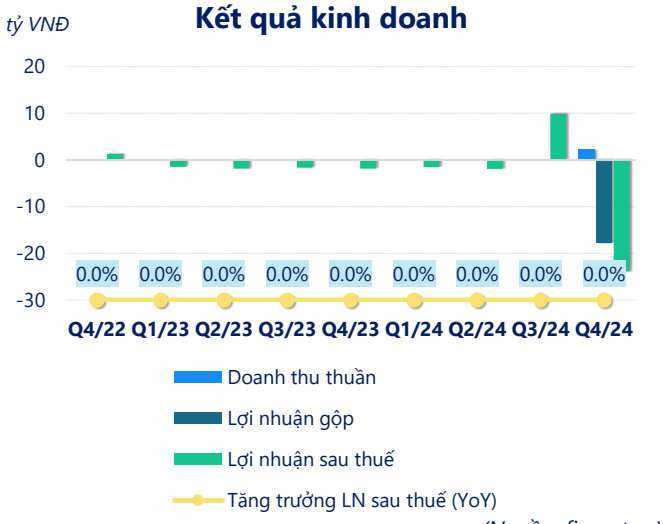
2024

-0.8%

+/- YoY: ▼ 0.4%

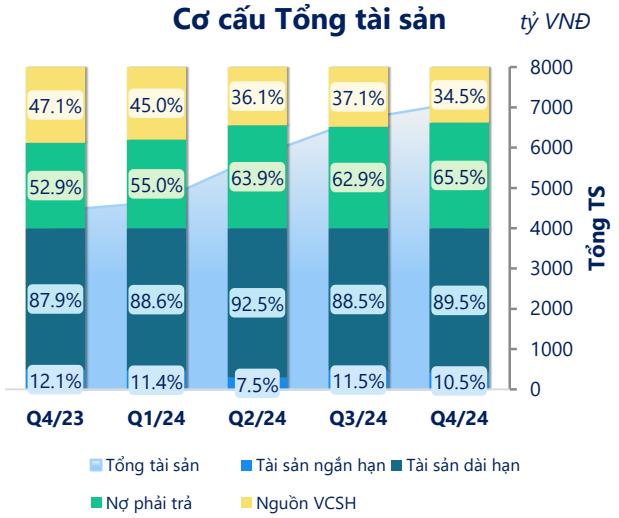
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



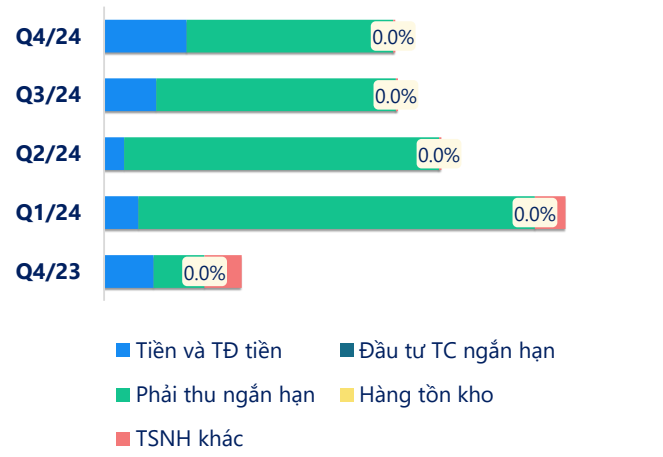
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



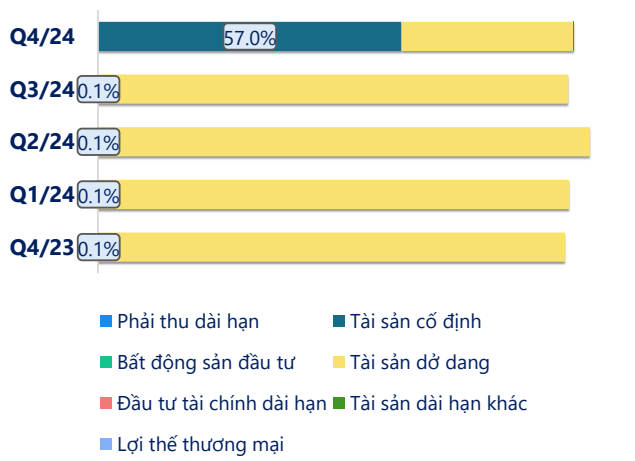
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



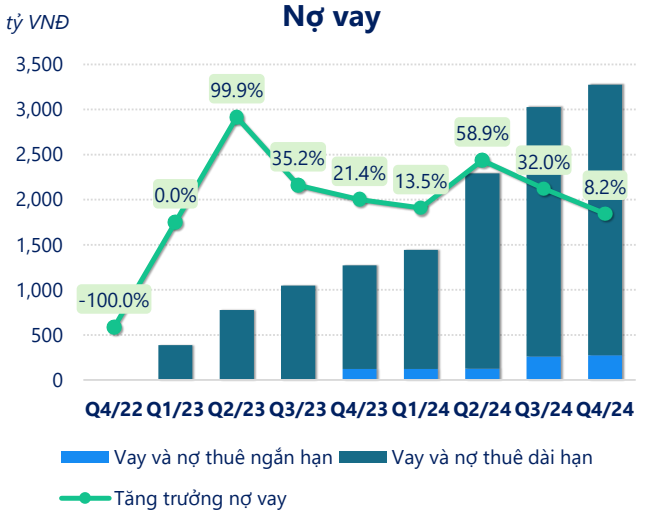
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



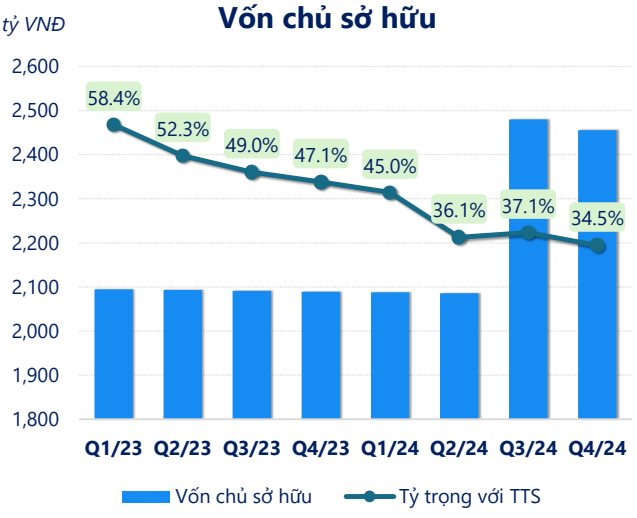
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



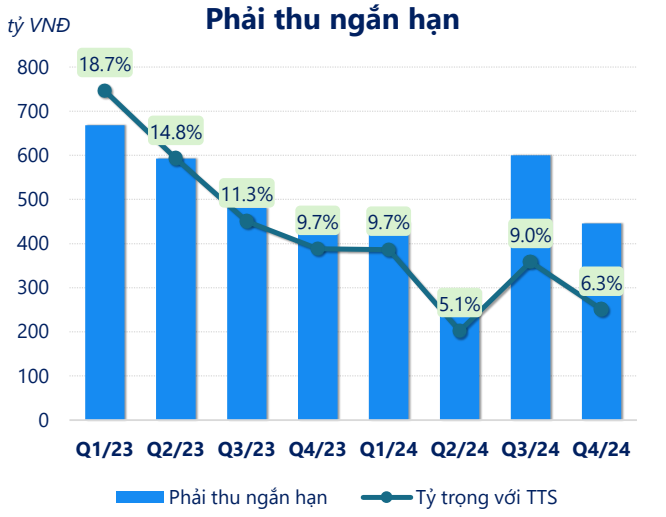
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



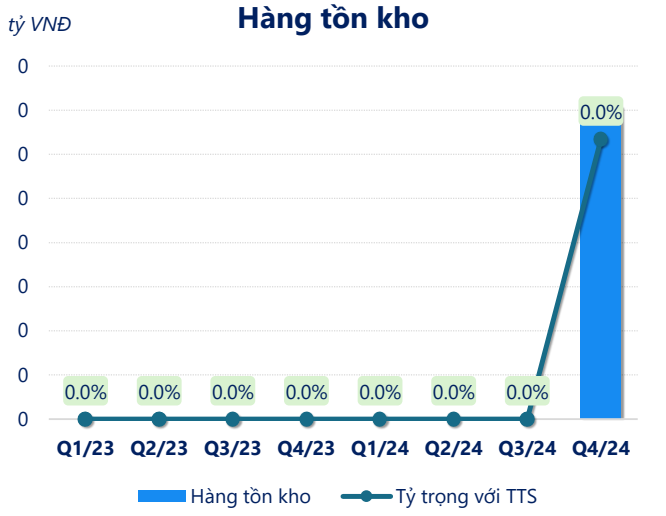
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



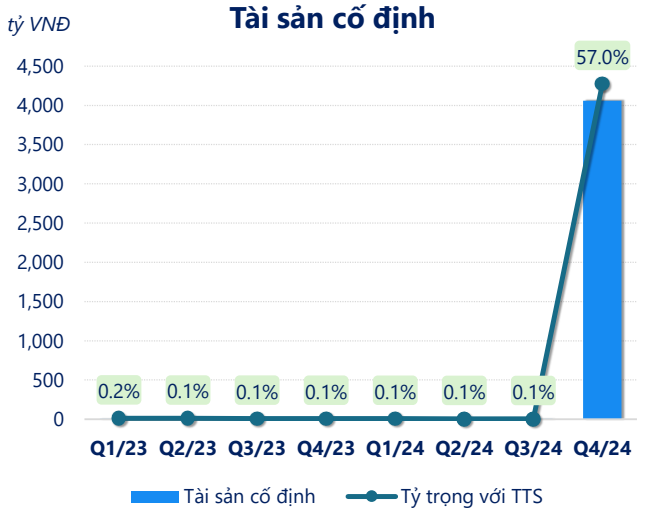
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



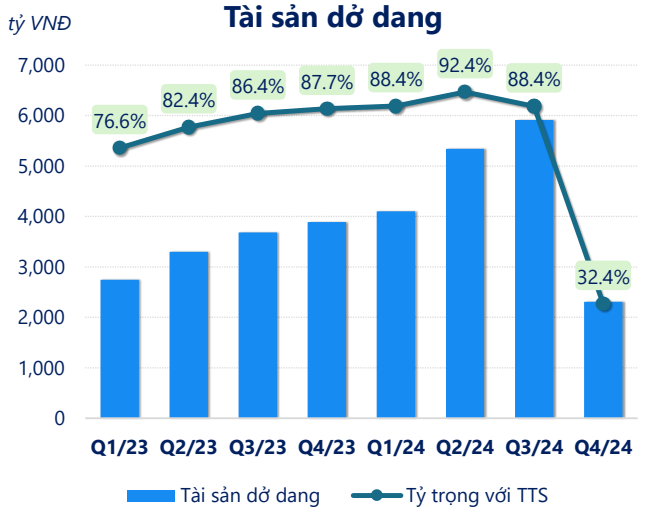
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



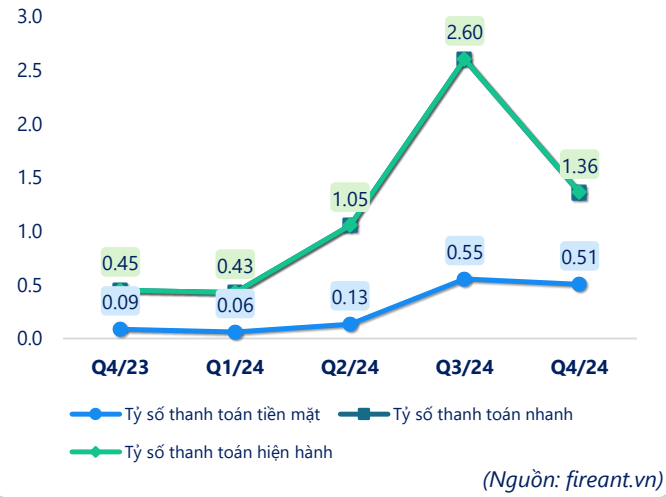
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



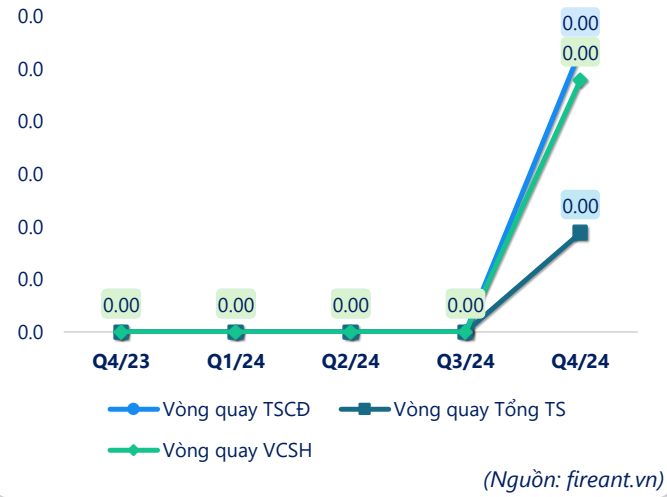
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**4,437**	**4,641**	**5,779**	**6,692**	**7,121**
Tài sản ngắn hạn	**538**	**528**	**431**	**771**	**744**
Tiền và tương đương tiền	103	74.7	54.5	164	277
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	431	448	292	600	446
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0.14
Tài sản ngắn hạn khác	4.36	4.44	84.2	6.57	21.8
Tài sản dài hạn	**3,898**	**4,113**	**5,348**	**5,921**	**6,377**
Phải thu dài hạn	3.88	3.88	3.88	3.88	3.88
Tài sản cố định	4.97	4.73	4.59	4.46	4,059
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3,890	4,105	5,340	5,913	2,309
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	4.16
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,348**	**2,553**	**3,693**	**4,212**	**4,665**
Nợ ngắn hạn	**1,200**	**1,233**	**409**	**296**	**547**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	123	123	126	259	273
Phải trả người bán ngắn hạn	2.36	1.61	258	5.45	12.4
Nợ dài hạn	1,148	1,320	3,284	3,916	4,118
Vay và nợ thuê dài hạn	1,148	1,320	2,166	2,767	3,000
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,089**	**2,088**	**2,086**	**2,480**	**2,456**
Vốn chủ sở hữu	**2,089**	**2,088**	**2,086**	**2,480**	**2,456**
Vốn điều lệ	2,000	2,000	2,000	2,320	2,320
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)